TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 06/2025/KDTM-ST
Ngày: 23-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Văn Sáng.

2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 38/2024/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH PT; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường A, quận H, thành phố Hải Phòng.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Văn M, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH PT; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn:

- Luật sư Nguyễn Văn Thuộm; có mặt.

- Luật sư Đinh Hữu Chuẩn; có mặt

Công ty Luật TNHH MTV BĐ Giang thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Công ty CP thương mại và dịch vụ BĐ; địa chỉ: phường T, thành phố T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Hữu M, chức vụ: Giám đốc Công ty CP thương mại và dịch vụ BĐ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn khởi kiện với nội dung:

Ngày 10/7/2018, Công ty TNHH PT (sau đây gọi tắt là PT) và Công ty CP thương mại và dịch vụ BĐ (sau đây gọi tắt là BĐ) ký hợp đồng kinh tế số 1007/2018/HĐKT/BĐ-PT với nội dung: PT cung cấp bê tông thương phẩm cho BĐ để thi công công trình "Đúc cấu kiện bê tông chắn sóng cho dự án xây dựng nhà máy ô tô Vinfast, Cát Hải, Hải Phòng". Việc giao nhận bê tông giữa PT với BĐ được hai bên cùng nhau xác nhận nợ và ký phiếu xuất bê tông, ký biên bản xác nhận khối lượng. PT đã hoàn thành việc cung cấp bê tông cho BĐ từ tháng 9/2018.

Các bên đã đối chiếu công nợ xác định từ tháng 8/2018 đến tháng 9/2018, PT đã cung cấp khối lượng bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho BĐ với tổng giá trị 2.874.658.500 đồng. Tính đến ngày 30/4/2022, BĐ đã thanh toán cho PT số tiền 2.300.010.000 đồng, số tiền chưa thanh toán là 574.648.500 đồng. Sau đó, BĐ đã trả cho PT: Ngày 28/5/2022 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng; ngày 03/12/2022 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; ngày 18/01/2023 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng. Hiện tại, BĐ còn nợ PT số tiền 464.648.500 đồng. PT đã nhiều lần làm việc, yêu cầu nhưng BĐ vẫn chưa thanh toán.

Do vậy, PT khởi kiện đề nghị Tòa án buộc BĐ phải thanh toán cho PT số tiền 464.648.500 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại từ ngày 19/01/2023 đến nay.

Ý kiến của bị đơn (qua bản tự khai): Giữa BĐ và PT có ký hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm như PT trình bày. BĐ còn nợ PT số tiền 464.648.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán. Lý do BĐ chậm thanh toán cho PT là do doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, thua lỗ, không kí được hợp đồng mới, nợ ngân hàng quá hạn, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động từ khi có dịch Covid 19 đến nay. BĐ đề nghị PT tạo điều kiện để BĐ trả nợ dần trong thời hạn 02 năm cho PT từ quý 3/2025 và miễn cho BĐ số tiền lãi.

Văn bản số 302/VCB-KT ngày 21/4/2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng thông báo mức lãi suất cho vay trung dài hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 13,5%/năm.

Văn bản số 129/NHNoTT-KH ngày 14/4/2025 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủy Nguyên - Bắc Hải Phòng thông báo mức lãi suất cho vay trung dài hạn là 7,0%/năm, lãi suất quá hạn là 10,5%/năm.

Văn bản số 114/CV-CNHP-TCTH ngày 17/4/2025 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng thông báo mức lãi suất cho vay trung dài hạn là 12,5%/năm lãi suất quá hạn là 18,75%/năm.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11, 24; 50; 55, 306 Luật thương mại; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của PT, buộc BĐ phải trả số tiền nợ của Hợp đồng kinh tế số: 1007/2018/HDKT/BD-PT ngày 10/7/2018 tính đến ngày xét xử bao gồm nợ gốc 464.648.500 đồng và tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử kể từ ngày 19/01/2023; Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Nguyên đơn là PT khởi kiện bị đơn là BĐ có địa chỉ tại phường Thủy Đường, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng với nội dung BĐ phải thanh toán tiền mua bê tông thương phẩm theo hợp đồng được 02 bên ký kết là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa PT với BĐ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

Đại diện hợp pháp của bị đơn đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của bị đơn.

[3] Về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện

[3.1] Về việc PT yêu cầu BĐ thanh toán tiền mua bê tông thương phẩm

PT và BĐ ký kết hợp đồng kinh tế số 1007/2018/HĐKT/ BĐ-PT ngày 10/7/2018 với nội dung: PT cung cấp bê tông thương phẩm cho BĐ để thi công công trình "Đúc cấu kiện bê tông chắn sóng cho dự án xây dựng nhà máy ô tô Vinfast, Cát Hải, Hải Phòng". Hợp đồng được đại diện hợp pháp của các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng để PT bán bê tông thương phẩm cho BĐ, phục vụ nhu cầu kinh doanh của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức và nội dung hợp đồng bán hàng được PT và BĐ ký kết đảm bảo điều kiện có hiệu lực. Do đó, buộc các bên phải thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, PT cung cấp đầy đủ hàng là bê tông thương phẩm cho BĐ. Tổng giá trị hàng hóa PT được cung cấp cho BĐ là 2.874.658.500 đồng. BĐ và PT đã làm việc, kí xác nhận biên bản đối chiếu công nợ thực tế ngày 30/4/2022. Tính đến ngày 30/4/2022, BĐ đã thanh toán cho PT số tiền 2.300.010.000 đồng, số tiền chưa thanh toán là 574.648.500 đồng. Sau đó, BĐ đã trả cho PT: Ngày 28/5/2022 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng; ngày 03/12/2022 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; ngày 18/01/2023 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng. Hiện tại, BĐ còn nợ PT số tiền 464.648.500 đồng. Như vậy, BĐ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng được hai bên ký kết. PT khởi kiện yêu cầu BĐ thanh toán số tiền 464.648.500 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Về việc PT yêu cầu BĐ phải trả tiền lãi do chậm thanh toán số tiền mua hàng

Từ ngày 19/01/2023 đến nay, BĐ còn chưa thanh toán cho PT số tiền 464.648.500 đồng. Tính đến thời điểm xét xử ngày 23/4/2025, thời gian BĐ đã chậm thanh toán cho PT là 02 năm 03 tháng 05 ngày. BĐ đã đề nghị PT miễn tiền lãi nhưng PT không đồng ý và khởi kiện đề nghị BĐ phải thanh toán lãi chậm thanh toán. Nội dung bên mua chậm thanh toán thì phải chịu tiền lãi chậm thanh toán được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng. Do vậy, BĐ có nghĩa vụ

phải thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại. Hội đồng xét xử tính trung bình lãi suất của 03 ngân hàng, cụ thể là: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (10,5%/năm), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (18,75%/năm) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (13,5%/năm). Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường được xác định là (10,5% + 18,75% + 13,5%)/năm/3 = 14,25%/năm.

Số tiền lãi chậm thanh toán được tính: 464.648.500 đồng x (02 năm + 03 tháng/12 + 05 ngày/365) x 14,25% = 149.884.944 đồng.

[3.3] Tổng số tiền BĐ phải thanh toán cho PT: 464.648.500 đồng + 149.884.944 đồng = 614.533.444 đồng.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

PT khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên BĐ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

PT không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án., xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

Buộc Công ty CP thương mại và dịch vụ BĐ phải thanh toán cho Công ty TNHH PT số tiền 614.533.444 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (khi bản án có hiệu lực pháp luật) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Công ty CP thương mại và dịch vụ BĐ phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 28.581.337 đồng.

Trả lại Công ty TNHH PT số tiền tạm ứng án phí là 14.400.000 đồng (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010249 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuỷ Nguyên).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thuỷ Nguyên;
- TAND, VKSND TP Hải Phòng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương